

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HSST
Ngày 20 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thỏa và ông Nguyễn Thành Đô

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Minh Hoàng, Cán bộ Tòa án huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Minh Huyền, Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 63/2021/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2021 đối với:

Bị cáo: **Trần Xuân N**, sinh năm 2002; nơi cư trú: Thôn L, xã ĐT, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: Không; văn hóa 12/12; Đảng, đoàn thể: Không; con bà Trần Thị S và không rõ bố; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn D, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị hại: Bà Trần Thị S, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ dân phố Ấp Đồn, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

- Cụ Diệp Thị S1, sinh năm 1935; nơi cư trú: Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Ông Hà Văn H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Chị Hà Thị H2, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xã C, huyện HH, tỉnh Phú Thọ

- Chị Hà Thị H3, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xã HS, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Anh Hà Văn T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Chị Hà Thị Nc L, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Sáu, chị Hằng, chị Hoat, anh Tuyển và chị Ly: Ông Hà Văn H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ dân phố Á, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 8 năm 2021, có mặt).

Người làm chứng: Anh Trần Xuân M, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 1A, đường TĐT, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 05/8/2021, Trần Xuân N (có giấy phép lái xe hạng A1 do Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 26/10/2020) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda WinnerX, BKS: 88E1 - 327.66 từ nhà (thôn L, xã ĐT, huyện T) đi theo đường TL 302 đến làm việc tại Khu công nghiệp Bá Thiện 2, huyện Bình Xuyên. Trần Xuân N điều khiển xe với tốc độ khoảng 60km/h, khi đi đến đoạn Km 24+850 đường TL 302 hướng từ xã ĐT, huyện T đi thị trấn Đ, huyện T thuộc tổ dân phố Ấp Đồn, thị trấn Đ, huyện T, N phát hiện bà Trần Thị S đang đi bộ cùng chiều, dắt 2 con trâu sang đường để về nhà, vị trí bà S cách xe của N khoảng 3-5m. Do đang điều khiển xe đi với tốc độ nhanh, không chú ý quan sát nên khi phát hiện ra bà S ở khoảng cách gần, không kịp xử lý nên xe mô tô của N đã đâm vào bà S khiến bà S ngã ra đường bất tỉnh, xe mô tô và N bị ngã nằm đổ nghiêng sang trái. Hậu quả: Bà Trần Thị S bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, đến sáng ngày 06/8/2021 bà S tử vong.

*** Kết quả đo nồng độ cồn trong hơi thở của Trần Xuân N:** Trong hơi thở của N không có nồng độ cồn.

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường:**

Hiện trường xảy ra vụ tai nạn giao thông tại đoạn Km 24 + 850 đường TL302 thuộc Tổ dân phố Ấp Đồn, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Đoạn đường thẳng không bị che khuất tầm nhìn, mặt đường được rải nhựa áp phan cứng. Tại tim đường có vạch sơn màu vàng nét đứt kéo dài phân chia hai chiều đường, một chiều đi UBND xã Tam Quan, một chiều đi UBND xã ĐT. Ven đường hai bên là dân cư sinh sống, tại đoạn đường xảy ra tai nạn không có biển báo giao thông đường bộ, lòng đường rộng 11,30m.

Chọn cột điện DT85 ở lề đường bên phải hướng từ UBND xã ĐT đi UBND xã Tam Quan làm điểm mốc.

Chọn mép đường bên trái hướng từ UBND xã Tam Quan đi UBND xã ĐT làm mép đường chuẩn. Phát hiện, ghi nhận và mô tả các dấu vết như sau:

- Dấu vết (1): Là xe ô tô BKS: 88A - 308.97 đang đỗ tại mặt đường, đầu xe hướng đi UBND xã ĐT, đuôi xe hướng đi UBND xã Tam Quan; Đo từ tâm trục trước bên trái (1) đến điểm mốc là 12,01m; Đo từ tâm trục trước bên phải (1) đến mép đường chuẩn là 0,90m; Đo từ tâm trục sau bên phải (1) đến mép đường chuẩn là 1,10m.

- Dấu vết (2): Là đám mảnh nhựa vỡ có kích thước (0,04 x 0,20)m; Đo từ tâm (2) đến điểm mốc là 11,60m; Đo từ tâm (2) đến mép đường chuẩn là 5,20m; Đo từ tâm (2) đến tâm trục sau bên trái (1) là 3,20m.

- Dấu vết (3): Là vết cà sát trên mặt đường có kích thước (3,10 x 0,20)m; Đo từ đầu (3) đến mép đường chuẩn là 5,75m; Đo từ đầu (3) đến tâm (2) là 0,70m; Đo từ cuối (3) đến mép đường chuẩn là 4,20m.

- Dấu vết (4): Là xe mô tô BKS: 88E1 - 327.66 đang nằm đổ nghiêng bên trái, đầu xe hướng đi xã Tam Quan, đuôi xe hướng đi xã ĐT. Đo tâm trục trước (4) đến mốc là 15,90m; Đo tâm trục trước (4) đến mép đường chuẩn là 4,40m; Đo tâm trục sau (4) đến mép đường chuẩn là 4,90m; Đo tâm trục sau (4) đến tâm trục sau trái (1) là 4,20m.

- Dấu vết (5): Là chiếc ủng, đo tâm (5) đến mép đường chuẩn là 3,20m; Đo tâm (5) đến trục trước (4) là 1,40m.

- Dấu vết (6): Dấu vết đám mảnh nhựa vỡ có kích thước 3m x 0,7m (dài x rộng). Đo tâm (6) đến mép đường chuẩn là 4,3m; Đo tâm (6) đến tâm (5) là 0,95m; Đo tâm (6) đến trục trước (4) là 1,20m.

- Dấu vết (7): Dấu vết nâu đỏ tươi (nghỉ là máu) kích thước 0,20m x 0,15m. Đo tâm (7) đến mốc là 17,20m; Đo tâm (7) đến mép đường chuẩn là 5,40m; Đo tâm (7) đến trục trước (4) là 1,95m (Bút lục 29-37).

*** Kết quả khám phương tiện:**

Tiến hành khám nghiệm phương tiện xe mô tô nhãn hiệu HON DA loại xe WinnerX, màu sơn đen, bạc, vàng, đồng, BKS: 88E1- 327.66:

- Dấu vết (1): Gương chiếu hậu bên trái bị đẩy ngược từ trước về sau, từ trái qua phải; Mặt dưới trước thanh đỡ gương có vết sát trượt kim loại bán dính tạp chất, chiều hướng từ trước về sau, kích thước (1,3 x 0,5) cm.

- Dấu vết (2): Đầu núm bảo vệ tay lái bên trái có vết sát trượt kim loại, chiều hướng từ trước về sau, kích thước (2,5 x 2) cm.

- Dấu vết (3): Ốp nhựa phía trên trước bảng điều khiển đầu xe bị vỡ nhựa trên diện (12 x 14) cm.

- Dấu vết (4): Ốp nhựa phần đầu xe bên phải có bám dính tạp chất; ốp nhựa bị lệch khỏi vị trí ban đầu; Tại vị trí ốp nhựa phía trên hộp dầu phanh, tay phanh bên phải kéo vào giữa đầu xe có vết sát trượt bám dính tạp chất màu nâu, chiều hướng từ trước về sau nằm trên diện (26 x 4) cm

- Dấu vết (5): Ốp nhựa phía trên cụm đèn chiếu sáng đầu xe bị biến dạng lệch khỏi vị trí ban đầu, bung vỡ nhựa, bám dính tạp chất màu nâu, biến dạng đẩy ngược từ trước về sau, từ trái sang phải; phía bên trái lệch 14 cm bung rời một mảnh nhựa; phía bên phải bị dồn đẩy ép sát vào ổ khóa, dồn đẩy hệ thống ốp nhựa cùng ổ khóa chiều hướng từ trước về sau. Trên bề mặt ốp nhựa phía bên phải có các vết sát trượt bám dính tạp chất màu nâu, xám chiều hướng từ trước về sau nằm trên diện (35 x 13) cm.

- Dấu vết (6): Ốp nhựa kèm đèn xi nhan bên trái, bên phải bung rời khỏi vị trí ban đầu.

- Dấu vết (7): Ốp nhựa sườn xe bảo vệ máy phía bên phải, bên trái bung rời khỏi vị trí ban đầu; ốp nhựa gằm bên phải bung rời.
- Dấu vết (8): Điểm ngoài cùng để chân người lái bên trái, để chân ngồi sau bên trái sát trượt kim loại và nhựa chiều hướng từ trước về sau.
- Dấu vết (9): Rải rác nhiều vị trí trên thân xe có bám dính tạp chất màu nâu cùng loại với chất bám bản ở đầu xe.

Kiểm tra hệ thống an toàn kỹ thuật của phương tiện gồm: Đèn, phanh còn tác dụng; xi nhan phía trước không còn tác dụng.

*** Khám nghiệm tử thi**

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 2401/KLGD-PC09-PY, ngày 20/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: *1. Dấu hiệu qua giám định: Có các bầm tím vùng đầu mặt, các vết sây sát da ở tay chân; vỡ phức tạo xương chẩm trái, qua đường vỡ có nhiều máu chảy ra, thành ngực bên phải mất vững, gãy xương sườn bên phải; gãy kín 1/3 giữa hai xương cẳng chân phải. 2. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não trên người bị đa chấn thương.*

Tại Cáo trạng số: 65/CT-VKS-TĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Xuân N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Xuân N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Trần Xuân N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm. Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại 01 Giấy phép lái xe mô tô, 01 Giấy đăng ký xe và 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho Trần Xuân N nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì thêm và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

XÉT THẤY:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Xuân N khai nhận: Khoảng 19 giờ 10 phút ngày 05/8/2021, bị cáo điều khiển xe mô tô BKS: 88E1 - 327.66 đi trên đường tỉnh

lộ 302 hướng từ xã ĐT đi thị trấn Đ để đến Công ty tại khu công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, khi đi đến Km 24 + 850 thuộc tổ dân phố Ấp Đồn, thị trấn Đ, do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ, không giảm tốc độ để có thể dừng lại được một cách an toàn nên đã đâm vào bà Trần Thị S đang dắt súc vật đi bộ cùng chiều. Hậu quả làm bà S tử vong.

Hành vi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ không tuân thủ quy định về khoảng cách an toàn của xe cơ giới khi tham gia giao thông đường bộ, do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ, không giảm tốc độ để có thể dừng lại được một cách an toàn đã vi phạm khoản 1 Điều 12 của Luật Giao thông đường bộ; điểm b khoản 7 Điều 6 của Nghị định số 100/2019/NĐ - CP của Chính phủ và khoản 6, 7 Điều 5 của Thông tư 31/2019/TT - BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khoản 1 Điều 12 của Luật giao thông đường bộ quy định: “1. *Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường...*”.

Nội dung điểm b khoản 7 Điều 6 của Nghị định số: 100/2019/NĐ - CP quy định: “*Không chú ý quan sát, điều khiển xe gây tai nạn giao thông*”

Nội dung khoản 6,7 Điều 5 của Thông tư số: 31/2019/TT - BGTVT quy định: “*Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau: ...*

6. *Khi có người đi bộ ... qua đường;*

7. *Có súc vật đi trên đường ...*”

Từ căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Xuân N phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. *Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a. *Làm chết người; ... ,..*

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây hậu quả nghiêm trọng (bà S chết). Trong thời gian qua tình hình tai nạn giao thông vẫn có chiều hướng gia tăng mặc dù Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều biện pháp nhằm khắc phục nhưng chưa có hướng truyền giảm mà ngày càng diễn biến phức tạp. Một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tai nạn giao thông là do lỗi chủ quan của người điều khiển phương tiện giao thông và không chấp hành nghiêm chỉnh Luật giao thông đường bộ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu bị xử lý trước pháp luật; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo đã tích cực hỗ trợ, bồi thường thiệt hại và

người đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Trong vụ án này bị hại là bà Trần Thị S cũng có lỗi một phần, cụ thể đã vi phạm quy định tại điểm d, đ khoản 1, Điều 10 của Nghị định: 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ cụ thể: "*Dẫn dắt súc vật đi không đúng phần đường quy định*" và "*để súc vật đi trên đường bộ không đảm bảo an toàn cho người và phương tiện đang tham gia giao thông*"; vi phạm khoản 1, 2 Điều 34 của Luật giao thông đường bộ: "*1. Người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ phải cho súc vật đi sát mép đường...; 2. Không được dẫn dắt súc vật đi vào phần đường dành cho xe cơ giới*". Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình và bị hại cũng có lỗi một phần nên Hội đồng xét xử chỉ cần áp dụng phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo không hành nghề kinh doanh vận tải nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng*:

Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại số tiền 170.000.000đ. Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô BKS: 88E1 - 327.66 là tài sản hợp pháp của bị cáo. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho bị cáo là phù hợp.

Đối với các giấy tờ gồm: 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88E1-327.66; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô là tài sản của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án là phù hợp.

[6] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Trần Xuân N phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Xuân N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Xuân N cho Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử

thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Trần Xuân N 01 Giấy phép lái xe hạng A1; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 12 năm 2021).

4. Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Trần Xuân N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- UBND xã ĐT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Mẫu Văn Mùi

